

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày: 04 - 3- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Tuấn

2. Ông Lương Minh Côn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 12/01/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 06/10/2003

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12.

Con ông: Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thúy V, SN:1967

Trú tại: xóm T, xã T, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”

+ Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên khởi tố bị can về tội Cướp tài sản theo Quyết định khởi tố bị can số 211 ngày 12/10/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2020 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Anh T (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 25/11/2003.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm H, xã T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12.

Con ông: Phạm Trí T, SN: 1982 và bà: Ngô Thị T, SN:1983.

Trú tại: xóm H, xã T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” và Tổng hợp hình phạt tại bản án số 290/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 6 năm 19 ngày tù.

+ Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên khởi tố bị can về tội Cướp tài sản theo Quyết định khởi tố bị can số 212 ngày 12/10/2020.

+ Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên khởi tố bị can về tội Cướp tài sản theo Quyết định khởi tố bị can số 335 ngày 09/11/2020.

+ Tại Bản số 290/2018/HS-ST ngày 31/7/2018, TAND thành phố Thái Nguyên xử phạt Phạm Anh Tuấn 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19596/ QĐ-XPHC ngày 05/9/2018, Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt Phạm Anh Tuấn hình thức “Cảnh cáo”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2020 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên và có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lâm Kiều P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/6/2004.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông: Lâm Ngọc K, SN: 1949 và bà: Nguyễn Thị S, SN:1963.

Cùng trú tại: Tổ dân phố T, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên và có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: Cù Văn M (tên gọi khác: Không) sinh ngày: 27/9/1984.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ , phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ , phường Tg, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;
Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Cù Văn Đ (đã chết) và bà: Hoàng Thị M, SN:1961.

Trú tại: huyện Bình Lục, Hà Nam.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1984 và có 02 con: Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2020 đến ngày 09/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo H: bà Nguyễn Thúy V, sinh năm 1967 (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Là mẹ đẻ bị cáo).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: ông Phạm Trí T, sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Xóm H, xã T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Là bố đẻ bị cáo).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P: ông Lâm Ngọc K, sinh năm 1949 (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố , phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Là bố đẻ bị cáo).

Người bào chữa:

1. Ông Nguyễn Công Quang - Luật sư, Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Luật sư chỉ định Trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên) - Có mặt .

Là người bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T.

2. Ông Lê Quang Nam - Luật sư, Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Luật sư chỉ định Trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên) - Có mặt .

Là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H.

3. Bà Lưu Thúy Hiền - Luật sư, Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Luật sư chỉ định Trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên) - Có mặt .

Là người bào chữa cho bị cáo Lâm Kiều P.

Bị hại:

1. Cháu: Nguyễn Đức H, sinh năm: 2005 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh: Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1978 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Cháu: Nguyễn Hải Y, sinh năm: 2005 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh: Đỗ Xuân M, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị: Dương Thị H, sinh năm: 1995 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Chị: Nguyễn Thị Thắng T, sinh năm: 2002 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Chị: Lưu Thị Q, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Chị: Đào Thị N, sinh năm: 1970 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Là mẹ đẻ của bị hại Nguyễn Đức Hiền

2. Chị: Trần Thị L, sinh năm 1986 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm D, xã V huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Là mẹ đẻ của bị hại Nguyễn Hải Y

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu: Tường Duy Q, sinh năm: 2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà: Nguyễn Thúy V, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà: Phạm Thị L, sinh năm: 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm H, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

4. Cháu: Nguyễn Hoàng Bảo K, sinh năm: 2005 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ , phường G, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh: Đỗ Xuân L, sinh năm: 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã P, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

7. Anh: Nguyễn Tùng D, sinh năm: 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

8. Chị: Hà Ngọc K, sinh năm: 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm G, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

9. Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ , phường Q, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị: Dương Thị Đ, sinh năm: 1986 (Vắng mặt có đơn xin xét xử

vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm T, xã T, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Là mẹ đẻ của người có QLNVLQ Tường Duy Q.

2. Chị: Trần Thị T, sinh năm: 1978 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Là mẹ đẻ của người có QLNVLQ Nguyễn Hoàng Bảo K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, Phạm Anh T là những đối tượng ham chơi, lười lao động, để có tiền tiêu sài cá nhân từ ngày 21/7/2020 đến ngày 05/8/2020, H và T đã thực hiện 01 vụ “Cướp tài sản”, 02 vụ “Cướp giật tài sản”, 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, rồi nhờ Lâm Kiều P tiêu thụ và đem tiêu thụ cho Cù Văn M những tài sản chiếm đoạt được, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Sáng ngày 21/7/2020 H, T, Tường Duy Q, sinh ngày 22/4/2005, trú tại: xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên cùng rủ nhau lên địa bàn xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chơi và xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 13 giờ cùng ngày, H và T đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, BKS: 20B1-602.49 của bà Nguyễn Thúy V, sinh năm 1967, trú tại: xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ của H). Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX của bà Dương Thị Đ, sinh năm 1986, trú tại: xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ đẻ của Q) theo hướng Sông Công - Phúc Thuận - Phổ Yên - Quân Chu. Khoảng 14 giờ cùng ngày, cả ba đến khu vực suối Đá Cống thuộc địa phận xóm H, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên thì H, T, Q thấy trong sân vườn nhà bà Phạm Thị L, sinh năm 1956, trú tại xóm H, xã Q, huyện Đại Từ có rất nhiều xe mô tô của khách gửi để tắm suối sau nhà bà L. H, T, Q bàn nhau giả vờ là khách đến tắm suối vào gửi xe, mục đích để vào được bãi gửi xe xem có ai sơ hở trong quản lý tài sản để trộm cắp. H, T, Q vào mua hai vé gửi xe, nhưng không cho xe vào bãi mà chỉ để ở cổng nhà bà L, H nói dối bà L là đợi bạn và ngồi chờ. Khi bà L đi ra phía sau ngôi nhà thì H, T, Q tiến vào khu vực bãi để xe thực hiện hành vi móc cốp xe lấy tài sản. Khi đến gốc cây vải sát bờ tường, thấy có 03 xe mô tô dựng ở đó (dựng song song, cùng chiều), T dùng một tay một tay kéo cốp lên còn một tay thò vào trong cốp xe nhãn hiệu Honda Ware RS màu đen BKS 20F1 – 008.16 của Nguyễn Đức H, sinh năm 2005, trú tại xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên lấy được 01 Iphone 5 của H và 01 chiếc điện thoại Samsung J7 của Nguyễn Hải Y, sinh năm 2005, trú tại xóm D, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Q một tay một tay kéo cốp lên còn một tay thò vào trong cốp xe nhãn hiệu Jupiter Yamaha màu đen BKS 20F1 - 318.08 cách chiếc mô tô BKS 20F1 – 008.16 khoảng 1,2 m của Nguyễn Hoàng Bảo K, sinh năm 2005, trú tại xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên lấy được

2.900.000 đồng (tiền của anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1978 là bố của K). H đứng gần đó cảnh giới xung quanh cho T và Q. Sau khi lấy được tiền, tài sản và sợ bị phát hiện cả ba ra hiệu cho nhau nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Khi ra đến gần vị trí để xe ban đầu, phát hiện thấy có 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda wave màu trắng dựng ở gốc cây vải (chưa xác định được xe của ai), Q dùng tay móc trong cốp chiếc xe này lấy được 80.000 đồng. H dùng 02 tay móc lại trong cốp nhưng không có gì. Sau đó, H, T, Q lên xe máy, thanh toán tiền vé đi về theo hướng xã Quân Chu - TT Hùng Sơn - xã Tân Thái - TP Thái Nguyên. Khi đi đến khu vực “Ngã ba Điểm Hẹn” thuộc khu vực phường T, thành phố Thái Nguyên, T bảo Q vào quán điện thoại “An Bình” bán chiếc điện thoại di động iphone 5 cho anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987, trú tại tổ , phường G, thành phố Thái Nguyên được số tiền là 100.000 đồng (anh B không biết chiếc điện thoại này do H, T phạm tội mà có). Sau đó, H, T, Q về nhà H chơi. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm cùng nhau đi lên cửa hàng điện thoại “Xuân Luyện” ở xã P, thành phố Thái Nguyên, H và T trực tiếp vào bán chiếc điện thoại di động samsung galaxy J7 màu vàng cho anh Đỗ Xuân L sinh năm 1999, trú tại xóm C, xã P, thành phố Thái Nguyên được số tiền 700.000 đồng (anh L không biết chiếc điện thoại này do H, T phạm tội mà có). Số tiền trộm cắp được và số tiền bán điện thoại được tổng 3.780.000 đồng, H, T, Q tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL- HĐĐG ngày 20/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận giá trị điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 của chị Nguyễn Thị Y tại thời điểm tháng 7/2020 có giá là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) và Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 của anh Nguyễn Đức H tại thời điểm tháng 7/2020 có giá trị là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà H, T, Q trộm cắp được là 4.600.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, các bị hại là Nguyễn Đức H, Nguyễn Hải Y, Nguyễn Hoàng H đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, đề nghị giải quyết.

Sau khi biết nguồn gốc của các tài sản trên, anh Nguyễn Văn B, anh Đỗ Xuân L đã tự nguyện giao nộp 02 chiếc điện thoại trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ. Anh B không có yêu cầu đề nghị gì. Anh L yêu cầu H, T, Q hoàn trả số tiền 700.000 đồng. H tài sản trên đã được cho bị hại là Nguyễn Đức H và Nguyễn Hải Y, chị H, Y không có yêu cầu, đề nghị gì. Anh Nguyễn Hoàng H yêu cầu H, T, Q bồi thường cho anh H số tiền 2.900.000 đồng, hiện H, T, Q chưa bồi thường.

Vụ thứ hai:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 26/7/2020, H và T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, BKS: 20B1-602.49 của H lên địa bàn huyện Đại Từ để trộm cắp tài sản của người dân để sơ hở. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực xóm T, xã L, huyện Đại Từ thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 20F1-345.56 của anh Đỗ Xuân M sinh năm 1987, trú tại: xóm R, xã L, huyện Đại Từ để ở dưới gốc cây keo (giáp bãi chè)

bên trái đường vào suối kẹm, H và T thống nhất trộm cắp chiếc xe này. Khi quan sát xung quanh không thấy có ai, H và T để xe ngoài đường và đi bộ vào tiếp cận chiếc xe này thì thấy xe khóa cở, T và H tìm xung quanh thì thấy cách chiếc xe này khoảng 5m có một chiếc mũ lưỡi trai vải màu vàng sữa, Hai tiến lại gần thì phát hiện thấy trong mũ có chìa khóa xe và một chiếc điện thoại nhãn hiệu Hotwav màu cam của anh M, H cầm chìa khóa và điện thoại ra vị trí xe và mở khóa điện, sau đó dắt xe ra ngoài đường và nổ máy đi về, còn T điều khiển xe của H đi theo sau. H và T mang chiếc xe vừa trộm cắp được xuống khu vực phường T, thành phố Thái Nguyên ký gửi chiếc xe này cho anh Nguyễn Tùng D sinh năm 1999, trú tại xóm L, xã L, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên được số tiền là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), H chia cho T 2.000.000 đồng. Sau đó H và T đã tiêu sài cá nhân hết. Đối với chiếc điện thoại Hotwav màu cam, sau khi bật lên sử dụng do loa đã kém không nghe rõ được nên Hai đã vứt đi nhưng không nhớ đã vứt ở đâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL- HĐĐG ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận giá trị chiếc xe mô tô trên của anh Đỗ Xuân M bị trộm cắp tại thời điểm tháng 7/2020 là 12.000.000 (Mười hai triệu đồng chẵn). Tại bản kết luận định giá sản số 61/KL- HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Hotwav tại thời điểm tháng 7/2020 có giá là 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản H, T trộm cắp là 12.050.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, anh Đỗ Xuân M đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, đề nghị giải quyết.

Sau khi biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 20F1-345.56 là vật chứng của vụ án đang điều tra, anh Nguyễn Tùng D đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ. Anh D đề nghị H và T hoàn trả cho anh D số tiền 4.500.000 đồng. Hiện, H và T chưa hoàn trả cho anh D số tiền trên. Hiện chiếc xe trên đã được hoàn trả cho bị hại là anh Đỗ Xuân M. Anh M không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ ba:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 03/8/2020 T và H rủ nhau đi lên địa bàn huyện Đại Từ xem có ai đi một mình để cướp hoặc cướp giật tài sản. Trước khi đi T có chuẩn bị 01 con dao nhọn (loại dao chọc tiết lợn của gia đình T), H sử dụng xe mô tô BKS 20B1-60249 chở T ngồi sau rồi cả hai cùng đi lên huyện Đại Từ. H chở T đi vào khu vực suối C, xã H, huyện Đại Từ nhưng không gặp ai đi một mình nên T và H điều khiển xe quay ra. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, H và T đi đến khu vực xóm L, xã H, huyện Đại Từ thì T và Hai phát hiện thấy chị Dương Thị Thu H, sinh năm 1995, trú tại: xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ đang một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, BKS: 20F1 - 39751 đi hướng ngược chiều đang nghe điện thoại nên H điều khiển xe quay lại đi theo sau chị H. Chị H nghe điện thoại xong thì để điện thoại vào hộc xe phía trước (bên dưới bảng điều khiển). H và T thống nhất sẽ chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị H. Để thực hiện được hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị H, H bấm còi, vượt lên đi song

song gần với xe chị H, T ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại trong hộc xe của chị H. Sau đó, H tăng ga bỏ chạy sang khu vực xã L, huyện Đại Từ và đi ra đường QL37 về thành phố Thái Nguyên. Trên đường đi T bỏ điện thoại ra xem thì thấy chiếc điện thoại này nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen. Sau đó, H và T mang chiếc điện thoại này bán cho Cù Văn M sinh năm 1984, tại cửa hàng sửa chữa và mua bán điện thoại của M ở Tổ , phường T, thành phố Thái Nguyên được số tiền khoảng 1.500.000 đồng, sau đó chia đôi tiền và cùng nhau sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/KL- HDDG ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ, kết luận giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của chị H tại thời điểm tháng 8/2020 là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Sau khi bị cướp giật tài sản chị Dương Thu H đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, đề nghị giải quyết.

Hiện chiếc điện thoại trên chưa thu hồi được, chị H yêu cầu H và T bồi thường số tiền 2.500.000 đồng.

Vụ thứ tư:

Khoảng 19 giờ ngày 05/8/2020, H điều khiển xe mô tô BKS 20B1 - 602.49 chở T lên huyện Đại Từ để cướp tài sản hoặc cướp giật tài sản. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày đi đến khu vực gần nghĩa trang B thuộc xóm K, xã B, huyện Đại Từ thì H nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thắng T, sinh năm 2002, trú tại xóm Q, xã B, huyện Đại Từ điều khiển xe mô tô BKS 20AE - 015.58 đi ngược chiều theo hướng Tuyên Quang - Đại Từ. H ra hiệu để cho T biết và H quay đầu xe lại đi cùng chiều với chị Thương. Khi H và T đi phía sau chị T khoảng 5 - 6m thì H nhìn thấy chị T để chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9, màu tím ở túi quần phía sau. H nói với T là người này có điện thoại. H và T thống nhất sẽ cướp giật chiếc điện thoại của chị T. H điều khiển xe đi song song với chị T cách khoảng 1m, còn T dùng tay phải giật chiếc điện thoại trong túi quần của chị T. Khi T giật được điện thoại thì H tăng ga bỏ chạy về hướng thị trấn H, huyện Đại Từ. Chị T điều khiển xe mô tô đuổi theo nhưng không kịp, đến khu vực cầu S, xã T, huyện Đại Từ thì chị T không đuổi nữa. H và T bỏ chạy được khoảng 5-7km thì H và T dừng lại kiểm tra thì thấy chiếc điện thoại cướp giật được có nhãn hiệu OPPO F9 màu tím, vỏ ốp nhựa màu tím, bên trong vỏ ốp điện thoại có 01 thẻ ATM, điện thoại được cài mật khẩu. Sau đó Hai và T tiếp tục quay lại hướng xã P, huyện Đại Từ với mục đích đi cướp tài sản của người khác.

Ngày 06/8/2020 chị Thương đã đến Công an xã B, huyện Đại Từ trình báo việc chị mất điện thoại trong ốp điện thoại còn có 180.000 đồng và 01 thẻ ATM đề nghị Cơ quan Công an giải quyết theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL- HDDG ngày 23/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận giá trị tài sản chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 trên tại thời điểm tháng 8/2020 là 2.000.000 (Hai triệu đồng chẵn).

Hiện tài sản đã thu hồi được và hoàn trả cho người bị hại là chị Nguyễn Thị Thắng T. Chị T không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ năm:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 5/8/2020, sau khi thực hiện xong vụ “Cướp giật tài sản” tại xóm K, xã B, huyện Đại Từ (vụ thứ tư), H và T tiếp tục quay lại khu vực Công ty may Thagaco ở xã B, huyện Đại Từ để tìm người sơ hở để tiếp tục thực hiện hành vi Cướp, Cướp giật tài sản. H và T đi dọc theo đường QL37 về hướng Tuyên Quang, khi đến khu vực xóm, xã P, huyện Đại Từ thì H và T phát hiện thấy chị Lưu Thị Q, sinh năm 1989, trú tại xóm Đ, xã Y, Đại Từ, Thái Nguyên một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A, BKS; 20F1 - 417.48 cùng chiều vượt qua lên phía trước H và T cùng thống nhất sẽ chặn xe chị Q lại và dùng dao đe dọa để chiếm đoạt tài sản. H điều khiển xe mô tô chở T đuổi theo sau chị Q. Khi đến khu vực gần cầu T thuộc xóm, xã P, Đại Từ, lợi dụng lúc này trời tối, xung quanh là cánh đồng không có người qua lại trên đường, H điều khiển xe vượt lên tạt đầu xe chị Q và ép xe chị Q dừng sát vào lề đường bên phải, còn T xuống xe, trên tay cầm một con dao bằng kim loại (dao bầu) đã chuẩn bị từ trước chỉ vào mặt chị Q, vừa khua khoắng dao vừa nói “mày cướp chồng của chị tao”. Chị Q hoảng sợ chạy ra khỏi xe làm xe mô tô bị đổ nghiêng sang phải. Thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện xe chị Q nên H đã tiến đến dựng xe lên và mở khóa điện điều khiển xe đi ngược về hướng thành phố Thái Nguyên, còn T điều khiển xe của H đi sau, đi được một đoạn thì T đưa dao cho H cài ở giá đèo hàng phía trước của xe. Khi H đi về đến khu vực gần cổng Hồ Núi Cốc thuộc xã T, huyện Đại Từ thì H dừng xe lại mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy trong cốp có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh, 01 chiếc ví bên trong có: 01 chứng minh thư, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ ngân hàng Agribank và số tiền khoảng hơn 60.000 đồng. H điều khiển xe xuống khu vực phường T, thành phố Thái Nguyên cầm chiếc điện thoại A30S bán cho Cù Văn M sinh năm 1984, trú tại tổ 8, phường T, thành phố Thái Nguyên được số tiền khoảng 1.500.000 đồng (cụ thể bao nhiêu H không nhớ). Sau đó, H mua lại của Mạnh 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY màn hình cảm ứng màu trắng với số tiền là 200.000 đồng cho lại vào cốp xe với mục đích để đánh lừa T về giá trị tài sản cướp được. Đối với T, sau khi thực hiện xong hành vi cướp tài sản thì T điều khiển xe của H đi thẳng về nhà nghỉ “Hoàng Trung” thuộc phường Q, thành phố Thái Nguyên ngủ cùng phòng với Lâm Kiều P sinh năm 2004, trú tại TDP T, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (là bạn chơi cùng T và H). Sau khi bán và mua điện thoại xong H đi về nhà nghỉ “Hoàng Trung” ngủ, khi về đến nhà nghỉ Hoàng Trung thì H lên phòng gọi T cùng xuống nhà xe để mở cốp xe vừa cướp được nhằm kiểm tra tài sản đã chiếm đoạt được có trong cốp xe. Khi H mở cốp xe thì T thấy trong cốp xe có: 01 điện thoại SONY màn hình cảm ứng, 01 chiếc ví bên trong có: 01 chứng minh thư, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ ngân hàng Agribank và số tiền khoảng hơn 60.000 đồng. T cầm điện thoại và số giấy tờ trên mang về phòng nghỉ để trên giường ngủ. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 06/8/2020 H và T mang chiếc điện thoại OPPO F9 đã cướp giật được của chị Nguyễn Thị Thắng T trước đó (cùng tối ngày 05/8/2020) và chiếc điện thoại SONY đến gặp Cù Văn M để bán. Chiếc điện thoại OPPO F9 bán cho M

được số tiền khoảng 700.000 đồng, còn chiếc điện thoại SONY bán được số tiền khoảng 200.000 đồng, T và H chia đôi số tiền trên để tiêu sài.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 06/8/2020, T gọi điện thoại nhờ bạn là Hà Ngọc K sinh năm 2000, trú tại xóm G, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đang làm ở quán cắt tóc tại xã T, thành phố Thái Nguyên (gần nhà T) để hỏi xem có chỗ nào cầm cố xe mô tô không. T nói K có người bạn muốn cầm cố xe mô tô (T không nói cho K biết đây là tài sản do H và T phạm tội mà có). Khoảng 15 phút sau, K gọi điện lại cho T nói có người nhận cầm cố xe nên T và K hẹn gặp nhau ở cổng trường THPT Ngô Quyền, thành phố Thái Nguyên. Sau đó T và H nhờ Lâm Kiều P điều khiển chiếc xe mô tô cướp được của chị Lưu Thị Q mang đi cầm cố (H và T nói rõ cho P biết đây là tài sản do H và T cướp được), P đồng ý. T và H đi chiếc xe mô tô của H còn P đi chiếc xe mô tô của chị Q đến khu vực cổng trường THPT Ngô Quyền gặp K. Đến nơi thì K dẫn P đi cầm cố xe còn H và T về nhà nghỉ ngủ. K dẫn P đến một quán Bi-A gặp Nguyễn Xuân V sinh năm 1997, trú tại tổ , phường Q, thành phố Thái Nguyên (là người quen của K) để cầm cố chiếc xe. V nhận cầm cố chiếc xe P mang đến được số tiền 8.000.000 đồng (V không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có), V cắt lãi trước và đưa cho P số tiền là 7.400.000 đồng. Sau khi cầm cố xe xong K đưa P về nhà nghỉ “Hoàng Trung”, P đưa cho K 200.000 đồng tiền công dẫn đi cầm cố xe theo yêu cầu của T. Tại phòng nghỉ H và T cùng thống nhất chia số tiền cướp xe cầm cố được, cụ thể: Tuấn được 3.500.000 đồng, H được 3.700.000 đồng, còn P không được chia tiền, mà được T và H đưa đi chơi và ăn uống.

Sau khi mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S do Hai và Tuấn cướp được của chị Lưu Thị Q thì Cù Văn M đã tự phá mã cài mặt khóa, sau đó bán lại cho chị Hoàng Thị M, sinh năm 1989, trú tại tổ , phường G, thành phố Thái Nguyên với giá là 2.700.000 đồng để kiếm lời. Đối với con dao mà T đưa cho H cầm gài ở giá đèo háng phía trước xe thì H đã làm rơi mất trên đường đi, H không xác định được rơi con dao trên ở đâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL- HĐĐG ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A, màu xanh - đen - bạc, BKS: 20F1 - 417.48 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A30S, màu xanh của chị Lưu Thị Q tại thời điểm tháng 8/2020 có tổng giá trị là 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản Hai và Tuấn cướp được của chị Q là 16.500.000 đồng.

Sau khi bị Nguyễn Văn H và Phạm Anh T Cướp tài sản, chị Lưu Thị Q đã đến Công an xã P, huyện Đại Từ trình báo và đề nghị giải quyết.

Ngày 18/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ thi hành lệnh khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, địa điểm, phương tiện đối với Cù Văn M tại Tổ , P.T, Tp.Thái Nguyên. Kết quả khám xét thu giữ:

- 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu tím, số imei1: 866376046429137; số imei2: 866376046429129 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu xám, màn hình cảm ứng, số imei1: 356647089681678, số

imei 2: 35664708968167 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng, số imei1: 861216039573738, số imei2: 861216039573720 được niêm phong trong phong bì ký hiệu B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng gold, số imei1: 861570037655750, imei2: 861570037655743 được niêm phong trong bì ký hiệu C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5, màu xanh, số imei1: 865394040536634, imei2: 865394040536626 được niêm phong trong bì ký hiệu D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh – tím – đen, số imei1: 863980044282159, imei2: 863980044282142 được niêm phong trong phong bì ký hiệu E; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, số imei1: 867791049133552, imei2: 867791049133545 được niêm phong trong phong bì ký hiệu F; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 màu xám, số imei1: 353002072795213/01, imei2: 353003072795211/01 được niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VS Mart active 3 màu xanh, số imei1: 353442111668395, imei2: 353442111668403 được niêm phong trong phong bì ký hiệu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, bản lock màu hồng, số imei: 355349086666122 được niêm phong trong phong bì ký hiệu I; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, màu đen, số imei: 359667097565173 được niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng gold, số imei: 356990065572846 được niêm phong vào phong bì ký hiệu L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số imei: 359172071165330 được niêm phong trong phong bì ký hiệu M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, số imei1: 863966935450434, imei2: 863966035450426 được niêm phong vào phong bì ký hiệu N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu O; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu đỏ đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình camera sau đã bị vỡ, được niêm phong vào phong bì ký hiệu Q; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình đã bị vỡ nứt, được niêm phong vào phong bì ký hiệu S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đen, không có pin không kiểm tra được số imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã vỡ màn hình không mở được nguồn không kiểm tra được số imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu U; 01 vỏ điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím;

- Số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại két sắt nhà Cù Văn M được niêm phong vào phong bì ký hiệu A3 và Số tiền 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại cửa hàng mua bán điện thoại của Cù Văn M được niêm phong vào phong bì ký hiệu A2.

Cùng ngày 18/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ thi hành lệnh khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, địa điểm, phương tiện đối với Nguyễn Văn H tại xóm T, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả khám xét thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave A, màu xanh, số máy HC12E-5421103, số khung Y420890, không có gương chiếu hậu, kiểm tra trong cốp xe có 01 biên kiểm soát 20B1-602.49; 01 đăng ký xe mô tô có BKS: 20B1-602.49;

- 01 bản phô tô giấy khai sinh mang tên Nguyễn Văn H sinh năm 2003.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H, Phạm Anh T, Cù Văn M, Lâm Kiều P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai của H, T P, M phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra Cù Văn M khai nhận: M đã mua lại nhiều chiếc điện thoại và máy tính bảng của T và H. Khi bán điện thoại cho M thì T và H không nói cho M biết những tài sản đó là do phạm tội mà có, mặc dù T và H không nói nhưng M hoàn toàn nhận thức được số điện thoại trên mà T và H đem bán cho là do phạm tội mà có vì bán với giá rẻ, điện thoại có cài đặt mật khẩu khóa màn hình nhưng H và T không biết mật khẩu để mở và trong một thời gian ngắn mà bán với số lượng nhiều điện thoại, trong đó có 02 chiếc thoại do H và T phạm tội được trên địa bàn huyện Đại Từ, cụ thể:

- Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/8/2020, M mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh của Nguyễn Văn H do Nguyễn Văn H và Phạm Anh T cướp được của chị Lưu Thị Q, sinh năm 1989, trú tại xóm Đ, xã Y, Đại Từ, Thái Nguyên; kết luận định giá xác định chiếc điện thoại có giá trị là 3.500.000 đồng.

- Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 06/8/2020, M mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím của Nguyễn Văn H và Phạm Anh T do Nguyễn Văn H và Phạm Anh T cướp giật được của chị Nguyễn Thị Thắng T, sinh năm 2002, trú tại xóm Q, xã B, huyện Đại Từ, Thái Nguyên; kết luận định giá xác định chiếc điện thoại có giá trị là 2.000.000 đồng

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 của chị Nguyễn Thị Y, hiện đã hoàn trả cho chị Y.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 của anh Nguyễn Đức H, hiện đã hoàn trả cho anh H.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 20F1-345.56 của anh Đỗ Xuân M, hiện đã hoàn trả cho anh M.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen của chị Dương Thu H, hiện chưa thu hồi được.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 của chị Nguyễn Thị Thắng T và 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank màu đỏ mang tên Nguyễn Thị Thắng T, hiện đã hoàn trả cho cho chị T.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A, màu xanh - đen - bạc, BKS: 20F1 - 417.48 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A30S, màu xanh của chị Lưu Thị Q và 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank màu đỏ mang tên Lưu Thị Quỳnh, 01 đăng ký xe mô tô số 021741 mang tên Lưu Thị Q, biển số đăng ký: 20F1 - 417.48, 01 chứng minh thư nhân dân số 091666571 mang tên Lưu Thị Q, hiện đã hoàn trả cho chị Q.

- 01 con dao nhọn do Nguyễn Văn H cài ở giá đèo hàng phía trước xe mô tô bị rơi và Hai không biết rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX của bà Dương Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q sử dụng để đi trộm cắp. Do bà Đ đã bị mất trộm nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xem xét.

- Số tiền 80.000 đồng H, T, Q đã tiêu sài cá nhân hết.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5, màu xanh, số imei1: 865394040536634, imei2: 865394040536626 được niêm phong trong bì ký hiệu D, sau khi mở niêm phong kiểm tra xong đã tiến hành niêm phong vào phong bì ký hiệu M4 và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình đã bị vỡ nứt, được niêm phong vào phong bì ký hiệu S, sau khi mở niêm phong kiểm tra xong đã tiến hành niêm phong vào phong bì ký hiệu M17 là vật chứng thuộc vụ án do Cơ quan CSĐT Công an huyện Võ Nhai thụ lý nên đã được bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Võ Nhai, Thái Nguyên điều tra, xử lý theo quy định.

- 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 40cm, chuôi bằng gỗ, có một lưỡi sắc, bản rộng nhất của dao khoảng 08cm là vật chứng thuộc vụ án do Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình thụ lý nên đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình, Thái Nguyên điều tra xử lý theo quy định;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, BKS: 20B1-602.49 và 01 đăng ký xe mô tô có BKS: 20B1-602.49 thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn H. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

- Số tiền 46.900.000 đồng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Cù Văn M. Hiện đang được lưu giữ tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

- 01 bản phô tô giấy khai sinh mang tên Nguyễn Văn H sinh năm 2003 (được lưu vào hồ sơ vụ án);

- Các vật chứng còn lại gồm : 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu xám, màn hình cảm ứng, số imei1: 356647089681678, số imei 2: 35664708968167 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng, số imei1: 861216039573738, số imei2: 861216039573720 được niêm phong trong phong bì ký hiệu B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng gold, số imei1: 861570037655750, imei2: 861570037655743 được niêm phong trong bì ký hiệu C;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh – tím – đen, số imei1: 863980044282159, imei2: 863980044282142 được niêm phong trong phong

bì ký hiệu E; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, số imei1: 867791049133552, imei2: 867791049133545 được niêm phong trong phong bì ký hiệu F; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 màu xám, số imei1: 353002072795213/01, imei2: 353003072795211/01 được niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VS Mart active 3 màu xanh, số imei1: 353442111668395, imei2: 353442111668403 được niêm phong trong phong bì ký hiệu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, bản lock màu hồng, số imei: 35534908666122 được niêm phong trong phong bì ký hiệu I; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, màu đen, số imei: 359667097565173 được niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng gold, số imei: 356990065572846 được niêm phong vào phong bì ký hiệu L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số imei: 359172071165330 được niêm phong trong phong bì ký hiệu M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, số imei1: 863966935450434, imei2: 863966035450426 được niêm phong vào phong bì ký hiệu N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu O; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu đỏ đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình camera sau đã bị vỡ, được niêm phong vào phong bì ký hiệu Q; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình đã bị vỡ nứt, được niêm phong vào phong bì ký hiệu S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đen, không có pin không kiểm tra được số imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã vỡ màn hình không mở được nguồn không kiểm tra được số imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu U; 01 vỏ điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện Đại Từ và đã có Quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ chuyển cơ quan Công an để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSĐT ngày 11/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn H, Phạm Anh T về các tội **“Cướp tài sản”, “Cướp giật tài sản”** và tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lâm Kiều P và bị cáo Cù Văn M về tội **“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”** quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo:

Nguyễn Văn H, Phạm Anh T phạm các tội **“Cướp tài sản”, “Cướp giật tài sản”** và tội **“Trộm cắp tài sản”**; Bị cáo Lâm Kiều P và bị cáo Cù Văn M phạm tội **“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”**.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Đối với bị cáo H, T), khoản 1 Điều 323 BLHS (Đối với bị cáo P, M);

Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (Đối với bị cáo H, T, P, M) điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS (Đối với bị cáo H, T, M), điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS (Đối với bị cáo M), khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo M), Điều 103 và Điều 104 BLHS (Đối với bị cáo H, T), Điều 104 BLHS (Đối với bị cáo P), Điều 54 BLHS (Đối với bị cáo M), Điều 91 và Điều 101 BLHS (đối với bị cáo H, T, P), Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với các bị cáo H, T, P, M); Điều 48 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H, T); Điều 106 BLTTHS (đối với các bị cáo H, T, P, M); Điều 136 BLHS (đối với bị cáo M); Điều 329 BLHS (đối với bị cáo H, T); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (đối với các bị cáo M).

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Tổng hợp hình phạt của 03 (ba) tội là 11 (mười một) năm 03 (ba) tháng tù đến 12 (Mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù và tổng hợp hình phạt tại Bản án của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

+ Bị cáo Phạm Anh T từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Tổng hợp hình phạt của 03 (ba) tội là 11 (mười một) năm 03 (ba) tháng tù đến 12 (Mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù và tổng hợp hình phạt tại Bản án của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

+ Bị cáo Lâm Kiều P từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

+ Bị cáo Cù Văn M từ 04 (Bốn) tháng tù đến 05 (Năm) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2020 đến ngày 09/10/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, T, P.

Phạt bị cáo Cù Văn M 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 và 357 BLDS:

Buộc bị cáo H, T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q (cùng đại diện hợp pháp của bị cáo H, T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q) liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng H số tiền 2.900.000 đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo H, T (cùng đại diện hợp pháp của bị cáo H, T) liên đới bồi thường cho chị Dương Thị H số tiền 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng:

Hoàn trả bà Nguyễn Thúy V (mẹ đẻ bị cáo H) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, BKS: 20B1-602.49 01 và đăng ký xe mô tô có BKS: 20B1-602.49.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 46.900.000 đồng thu giữ của bị cáo M để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H, T. Miễn án phí dân sự cho bị cáo H, T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q.

Buộc bị cáo Cù Văn M phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Quan điểm của Luật sư: Nhất trí với luận tội của VKS, đề nghị HĐXX xem xét tình tiết bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi cần áp dụng Chương XII tại điều 91, 101 BLHS.

Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo H, T tại khoản 2 Điều 51 (Tại phiên tòa bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo).

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Do vụ án có nhiều bị hại, mà chỉ có 01 bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo H và T nên quan điểm của Viện kiểm sát chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H, T được hưởng ở tội Cướp tài sản.

Trong phần tranh tụng, các bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, các bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Đại diện hợp pháp của bị cáo, Bị hại, Đại diện hợp pháp của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Anh T khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/7/2020 đến ngày 05/8/2020, Nguyễn Văn H và Phạm Anh T đã thực hiện 01 vụ “Cướp tài sản”, 02 vụ “Cướp giật tài sản”, 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, rồi nhờ Lâm Kiều P tiêu thụ và đem tiêu thụ cho Cù Văn M những tài sản chiếm đoạt được, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2020, tại gia đình của bà Phạm Thị L, thuộc xóm H, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn H, Phạm Anh T, Tường Duy Q đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 của Nguyễn Đức H theo kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự trị giá 300.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Samsung J7 của Nguyễn Hải Y trị giá 1.400.000 đồng, số tiền 2.900.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng H. Sau khi trộm

cấp được tài sản, H, T, Q đã bán 01 chiếc điện thoại Iphone 5 cho anh Nguyễn Văn B với số tiền 100.000 đồng, bán chiếc điện thoại Samsung J7 cho anh Đỗ Xuân L với số tiền 700.000 đồng, tài sản là 02 chiếc điện thoại trên đã thu hồi được và hoàn trả cho bị hại là chị H và chị Y. Số tiền 2.900.000 đồng của anh H H, T, Q có trách nhiệm liên đới bồi thường, hiện H, T, Q chưa bồi thường cho anh H, tại phiên tòa anh L không yêu cầu gì.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/7/2020, tại khu vực xóm T, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn H, Phạm Anh T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen BKS: 20F1-345.56 của anh Đỗ Xuân M trị giá 12.000.000 đồng rồi đem cầm cố cho anh Nguyễn Tùng D với số tiền 4.500.000 đồng ăn tiêu hết, hiện chiếc xe trên đã được thu hồi và hoàn trả cho anh Đỗ Xuân M.

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/8/2020, tại khu vực xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn H, Phạm Anh T đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen của chị Dương Thị H trị giá 2.500.000 đồng rồi đem bán lấy tiền ăn tiêu hết, tài sản chưa thu hồi được. Chị H yêu cầu H và T liên đới bồi thường cho chị H số tiền 2.500.000 đồng, hiện tại H, T, chưa bồi thường số tiền trên cho chị H.

Vụ thứ tư: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/8/2020, tại khu vực xóm K, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn H, Phạm Anh T đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu tím của chị Nguyễn Thị Thắng T trị giá 2.000.000 đồng rồi đem bán cho Cù Văn M với số tiền 700.000 đồng, khi mua điện thoại M biết rõ đó là tài sản do H, T phạm tội mà có. Hiện chiếc điện thoại trên đã thu hồi được và hoàn trả cho chị T.

Vụ thứ năm: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 05/8/2020, tại khu vực xóm , xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn H, Phạm Anh T, đã thực hiện hành vi cướp sản 01 chiếc mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A, BKS; 20F1 - 417.48 của chị Lưu Thị Q và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A30S, màu xanh. Tổng trị giá 16.500.000 đồng rồi nhờ Lâm Kiều P và Hà Ngọc K đem chiếc xe mô tô trên cầm cố cho Nguyễn Xuân V số tiền 7.400.000 đồng (khi mang xe đi tiêu thụ P biết rõ đây là chiếc xe do H và T phạm tội mà có) và bán cho Cù Văn M chiếc điện thoại trên với số tiền 2.500.000 đồng, khi mua M biết rõ đó là tài sản do H và T phạm tội mà có, hiện các tài sản trên đã được thu hồi và hoàn trả cho chị Lưu Thị Q, chị Q không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Lâm Kiều P khai nhận bản thân P biết việc H, T trộm cắp tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 20F1-345.56 rồi đem cầm cố cho anh Nguyễn Tùng D với số tiền 4.500.000 đồng và H, T, P tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Cù Văn M khai nhận bản thân M biết được việc H, T trộm cắp tài sản là điện thoại, tuy nhiên bị cáo M vẫn tiêu thụ tài sản 02 lần là điện thoại mà H, T phạm tội và bán lại cho người khác.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ...

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/7/2020 đến ngày 05/8/2020, Nguyễn Văn H và Phạm Anh T đã thực hiện 01 vụ “Cướp tài sản”, 02 vụ “Cướp giật tài sản”, 02 vụ “Trộm cắp tài sản” rồi nhờ Lâm Kiều P tiêu thụ và đem tiêu thụ cho Cù Văn M những tài sản chiếm đoạt được, hành vi trên của bị cáo H, Tuấn đã phạm vào các tội “**Cướp tài sản**”, “**Cướp giật tài sản**”, “**Trộm cắp tài sản**” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo P, M đã phạm vào tội “**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Nội dung các điều luật như sau:

Điều 168 BLHS: Tội Cướp tài sản

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Sử dụng ..., phương tiện ... nguy hiểm khác;

....

Điều 171 BLHS: Tội Cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

Điều 173 BLHS: Tội Trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

Điều 323 BLHS: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà... tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.....”

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo H, T (Đối với tội danh Cướp giật tài sản, Cướp tài sản) là rất nghiêm trọng, đối với tội danh Trộm cắp tài sản là ít nghiêm trọng, hành vi nguy

hiểm cho xã hội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà đe dọa tính mạng của chủ sở hữu tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo M, P là ít nghiêm trọng, các bị cáo biết rõ tài sản có nguồn gốc từ phạm tội mà có nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi nên cần phải xử lý nghiêm minh mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H, T, M phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo H, T, P, M thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo M được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS là “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”. Ngoài ra trong quá trình nghị án HĐXX xem xét tình tiết tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị Thắng T, chị Lưu Thị Q có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, T, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Các bị cáo: H, T, P có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt tù về tội “Cướp tài sản” đã bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi phạm tội, bị cáo M có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên đây là các tình tiết nhân thân cần xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo

[7] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo H, T cùng ý chí, cùng thực hiện hành vi phạm các tội; Bị cáo P, M thực hiện hành vi phạm tội độc lập nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chính về hành vi phạm tội của mình.

[8] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo, do bị cáo H, T, P khi phạm tội các bị cáo mới trên 16 tuổi nên khi áp dụng hình phạt cần áp dụng Điều 91, 101 BLHS quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, Bị cáo M do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên cần áp dụng Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, HĐXX cần xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm về tội “Cướp tài sản”, từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng về tội “Cướp giật tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng Điều 103 BLHS tổng hợp hình phạt của nhiều tội và áp dụng Điều 104 BLHS tổng hợp hình phạt tại Bản án của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là phù hợp.

+ Bị cáo Nguyễn Anh T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm về tội “Cướp tài sản”, từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng về tội “Cướp giật tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng Điều 103 BLHS tổng hợp

hình phạt của nhiều tội và áp dụng Điều 104 BLHS tổng hợp hình phạt tại Bản án của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là phù hợp.

+ Bị cáo Lâm Kiều P từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù và áp dụng Điều 104 BLHS tổng hợp hình phạt tại Bản án của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là phù hợp.

+ Bị cáo Cù Văn M từ 04 tháng tù đến 05 tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H, T, P là người chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung; Đối với bị cáo M cần áp dụng khoản 5 Điều 323 BLHS, phạt bị cáo Mạnh từ 5 triệu đến 7 triệu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[10] Về dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H, T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q chưa bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Hoàng H, bị cáo H, T chưa bồi thường cho bị hại chị Dương Thị H, tại phiên tòa anh H vắng mặt do vậy cần buộc bị cáo H, T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng H số tiền 2.900.000 đ đã bị trộm cắp.

- Buộc bị cáo H, T liên đới bồi thường cho chị Dương Thị H giá trị điện thoại Iphone 7Plus theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 2.500.000 đ là phù hợp. Do bị cáo H, T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng khoản 2 Điều 586 BLDS buộc đại diện hợp pháp của bị cáo H, T và đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q cùng liên đới bồi thường cho bị hại là phù hợp.

[11] Vật chứng:

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu xám, màn hình cảm ứng, số imei1: 356647089681678, số imei 2: 35664708968167 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng, số imei1: 861216039573738, số imei2: 861216039573720 được niêm phong trong phong bì ký hiệu B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng gold, số imei1: 861570037655750, imei2: 861570037655743 được niêm phong trong bì ký hiệu C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh – tím – đen, số imei1: 863980044282159, imei2: 863980044282142 được niêm phong trong phong bì ký hiệu E; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, số imei1: 867791049133552, imei2: 867791049133545 được niêm phong trong phong bì ký hiệu F; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 màu xám, số imei1: 353002072795213/01, imei2: 353003072795211/01 được niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VS Mart active 3 màu xanh, số imei1: 353442111668395, imei2: 353442111668403 được niêm phong trong phong bì ký hiệu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, bản lock màu hồng, số imei: 355349086666122 được niêm phong trong phong bì ký hiệu I; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, màu đen, số imei: 359667097565173 được niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng gold, số imei: 356990065572846 được niêm phong vào phong

bì ký hiệu L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số imei: 359172071165330 được niêm phong trong phong bì ký hiệu M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, số imei1: 863966935450434, imei2: 863966035450426 được niêm phong vào phong bì ký hiệu N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu O; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu đỏ đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình camera sau đã bị vỡ, được niêm phong vào phong bì ký hiệu Q; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được imei, màn hình đã bị vỡ nứt, được niêm phong vào phong bì ký hiệu S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đen, không có pin không kiểm tra được số imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã vỡ màn hình không mở được nguồn không kiểm tra được số imei, được niêm phong vào phong bì ký hiệu U; 01 vỏ điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím (cùng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Cù Văn M), Cơ quan Viện kiểm sát đã có quyết định chuyển vật chứng (là toàn bộ chiếc điện thoại trên) đến cơ quan Điều tra để làm rõ nguồn gốc số điện thoại trên, nếu có căn cứ sẽ xem xét và xử lý là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

+ 01 xe mô tô của bà Nguyễn Thúy V (mẹ bị cáo H), khi bị cáo sử dụng xe đi phạm tội bà V không biết, do không liên quan đến vụ án nên cần hoàn trả cho bà V là phù hợp.

+ Số tiền 46.900.000 đồng thu giữ của bị cáo M cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án khi khấu trừ hình phạt bổ sung và án phí, số còn lại cần hoàn trả cho bị cáo.

+ Đối với Tường Duy Q là người trực tiếp cùng Nguyễn Văn H và Phạm Anh T trộm cắp tài sản ngày 21/7/2020 tại xóm H, xã Q, huyện Đại Từ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 4.680.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm vi phạm Q mới được 15 tuổi 02 tháng 29 ngày. Căn cứ khoản 1 Điều 12 BLHS thì Q chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của Q không cấu thành tội phạm. Công an huyện Đại Từ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q bằng hình thức phạt cảnh cáo là phù hợp.

+ Đối với cháu Nguyễn Quốc H sinh năm 2005, trú tại xóm , xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên khai bị mất số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để trong cốp xe. Tại Cơ quan điều tra, cháu H khai nhận: Số tiền trên cháu H không xác định được mất khi nào và mất ở địa điểm nào nên không có căn cứ để điều tra làm rõ về lời khai trên.

+ Đối với bà Nguyễn Thúy V (là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn H) là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave A, màu xanh, biển kiểm soát 20B1-602.49 nhưng do Nguyễn Văn H tự ý lấy chiếc xe trên để làm phương tiện phạm tội và bà V không biết việc Nguyễn Văn H phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà V là phù hợp.

+ Đối với anh Nguyễn Xuân V là người đã cho P cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu sơn: Xanh - đen - bạc, BKS: 20F1 - 417.48 với số tiền là 8.000.0000 đồng, anh V cắt lại 600.000 đồng tiền lãi và đã đưa cho P số tiền là 7.400.000 đồng. Quá trình điều tra, anh V khai nhận: Khi nhận cầm cố chiếc xe trên thì anh V không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do phạm tội mà có, khi cầm cố xe thì P có nói với anh đây là xe của chị gái P nhà ở huyện Đại Từ, xe có đầy đủ giấy tờ, cần tiền nên cầm cố. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh V là phù hợp.

+ Đối với cháu Hà Ngọc K là người được Nguyễn Văn H và Phạm Anh T nhờ tìm nơi cầm cố xe mô tô và dẫn Lâm Kiều P đi cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu sơn: Xanh – đen – bạc, BKS: 20F1 – 417.48. Quá trình điều tra, cháu K khai nhận: Do là bạn chơi cùng với T nên quen biết cả H, khi được H và T nhờ đưa P đi cầm cố xe thì cháu K không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có được, cháu K đều được H, T và P nói là xe của chị gái P, do cần tiền nên P muốn cầm cố xe. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với cháu K là phù hợp.

+ Đối với chị Hoàng Thị M là người đã mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh do Cù Văn M mua lại của Nguyễn Văn H và Phạm Anh T phạm tội có được. Quá trình điều tra, chị M khai nhận: Chị M không biết chiếc điện thoại di động trên là do phạm tội được mà có vì M không nói cho chị M biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị M. Sau khi Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại trên, đến nay M đã tự nguyện hoàn trả lại số tiền là 2.700.000 đồng cho chị M để khắc phục hậu quả, phía chị M không có đề nghị gì và không ý kiến gì việc thu hồi trên.

+ Đối với anh Nguyễn Tùng D là người đã cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 20F1-345.56 của Nguyễn Văn H và Phạm Anh T trộm cắp ngày 26/7/2020 tại xóm T, xã L, huyện Đại Từ. Quá trình điều tra, anh D khai nhận: Khi cho H và T ký gửi chiếc xe mô tô trên thì anh D không biết nguồn gốc chiếc xe trên do phạm tội được mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh D là phù hợp.

+ Đối với anh Nguyễn Văn B là người mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và anh Đỗ Xuân L là người mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J7 do Nguyễn Văn H, Phạm Anh T và Tường Duy Q trộm cắp có được. Quá trình điều tra, anh B và anh L khai nhận: Không biết nguồn gốc chiếc điện thoại trên do các đối tượng phạm tội có được vì các đối tượng trên không nói cho biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh B và anh L là phù hợp.

+ Nguyễn Văn H và Phạm Anh T khai đã bán cho M tổng cộng 03 chiếc điện thoại di động Cướp và Cướp giết được tại địa bàn huyện Đại Từ. Với tài liệu chứng cứ đã thu thập đủ căn cứ chứng minh Cù Văn M mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A30S màu xanh và OPPO F9 màu tím do H, T phạm tội có được. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen H và T khai sau khi cướp giết được của chị Dương Thị H đã đem bán cho M. H và T không

xác định được chính xác thời gian bán chiếc điện thoại, không nhớ bán được với số tiền là bao nhiêu, quá trình khám xét chỗ ở của M có thu giữ được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen mà M khai đã mua lại của T và H. Tuy nhiên, qua nhận dạng điện thoại thì chị H xác định không phải chiếc điện thoại của chị H đã bị cướp giật vào ngày 03/8/2020 tại xóm L, xã H, huyện Đại Từ. Do vậy, chưa đủ căn cứ chứng minh M đã tiêu thụ chiếc điện thoại Iphone 7Plus của chị H đã bị H và T cướp giật có được bán cho M. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xem xét xử lý sau là phù hợp.

+ Số tiền 80.000 đồng H, T, Q trộm cắp được tại xóm H, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xem xét xử lý sau là phù hợp.

+ Số tiền 180.000 đồng chị Nguyễn Thị Thắng T khai để trong ốp điện thoại bị Nguyễn Văn H và Phạm Anh T cướp giật ngày 05/8/2020. Tại Cơ quan điều tra, H và T khai nhận không có số tiền đó nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm của H và T số tiền trên là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo H, T, P là người chưa đủ 18 tuổi nên cần miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo và miễn án phí dân sự cho bị cáo H, T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q là phù hợp.

Đối với bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, điểm d khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Đối với bị cáo H, T), khoản 1 Điều 323 BLHS (Đối với bị cáo P, M); Khoản 5 Điều 323 BLHS (Đối với bị cáo M); Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (Đối với bị cáo H, T, P, M) điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS (Đối với bị cáo H, T, M), điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS (Đối với bị cáo M), khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo H, T, M), Điều 103 và Điều 104 BLHS (Đối với bị cáo H, T), Điều 104 BLHS (Đối với bị cáo P), Điều 54 BLHS (Đối với bị cáo M), Điều 91 và Điều 101 BLHS (đối với bị cáo H, T, P), Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với các bị cáo H, T, P, M); Điều 48 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H, T); Điều 106 BLTTHS (đối với các bị cáo H, T, P, M); Điều 136 BLHS (đối với bị cáo M); Điều 329 BLHS (đối với các bị cáo H, T); Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự (đối với bị cáo H, T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (đối với các bị cáo H, T, P, M).

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn H, Phạm Anh T phạm các tội “Cướp tài sản”, “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Lâm Kiều Phong và bị cáo Cù Văn M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Tổng hợp hình phạt của 03 (ba) tội là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù và Tổng hợp hình phạt tại bản án số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 (sáu) năm tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 (ba) tội và 02 (hai) bản án là 16 (Mười sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/8/2021. Quyết định tạm giam bị cáo H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

+ Bị cáo Phạm Anh T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Tổng hợp hình phạt của 03 (ba) tội là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù và Tổng hợp hình phạt tại bản án số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 (sáu) năm 19 (mười chín) ngày tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 (ba) tội và 02 (hai) bản án là 16 (Mười sáu) năm 03 (ba) tháng 19 (mười chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/8/2021. Quyết định tạm giam bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án

+ Bị cáo Lâm Kiều P 06 tháng tù, Tổng hợp hình phạt tại bản án số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 (sáu) năm tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên).

+ Bị cáo Cù Văn M 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2020 đến ngày 09/10/2020, Thời hạn thụ hình còn lại tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, T, P.

Phạt bị cáo Cù Văn M 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về dân sự: Buộc bị cáo bị cáo H, T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Tường Duy Q (cùng đại diện hợp pháp của bị cáo H, T và đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q) liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng H số tiền 2.900.000 đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo H, T (cùng đại diện hợp pháp của bị cáo H, T) liên đới bồi thường cho chị Dương Thị H số tiền 2.500.000 đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Vật chứng:

+ Hoàn trả bà Nguyễn Thúy V (mẹ đẻ bị cáo H) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, BKS: 20B1-602.49 và 01 và đăng ký xe mô tô có BKS: 20B1-602.49.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 46.900.000 đồng thu giữ của bị cáo Cù Văn M để đảm bảo việc thi hành án (Sau khi đối trừ các nghĩa vụ là hình phạt bổ sung và án phí, số tiền còn lại cần hoàn trả bị cáo).

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ - VKS ngày 11/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Anh T, Lâm Kiều P, Miễn án phí dân sự cho bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy Q.

Buộc bị cáo Cù Văn M phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho các bị cáo, Bị hại (có mặt) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Có mặt) biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (vắng mặt) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Thi hành án hình sự (08b);
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Luật sư bào chữa;
- Thông báo cho UBND cấp xã, phường
(Nơi cư trú của các bị cáo);
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO NGỌC HÀI